

Bản án số: 371/2022/HS-PT

Ngày: 06-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Văn Trục

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 240/2022/HSPT ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Tuấn A và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 tại tỉnh Tiền Giang; giới tính: nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã M (Mỹ Đức Tây C), huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Nhà không số (đối diện số nhà I) đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T2 và có 02 con (lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1994); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Huy C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty L và Cộng sự bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990; địa chỉ: 1 N, ấp B, tổ F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: 9 đường H, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Nguyễn Thị Xuân K và Luật sư Phạm Chí T3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty L1 (Luật sư K có mặt, Luật sư T3 vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ trụ sở: Số C, đường số I, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho Ủy ban nhân dân phường T: ông Lê Hà Thiên Á – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, là người đại diện ủy quyền theo Thông báo về việc ủy quyền ký số: 1920/TB-UBND ngày 18/8/2022 (ông Á có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ hẻm I H, khu phố D, phường T, Quận G, TP . có diện tích là 321,82m², với mục đích sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản đã được Ủy ban nhân dân Quận G1 cấp cho ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị Kỳ H (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 586613 cấp ngày 14/8/2015).

Ngày 06/9/2019 ông X và bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn A được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp... nên đến ngày 19/9/2019 ông A đã thay mặt ông X, bà H chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T4 và bà Nguyễn Thị Hồng T5.

Cùng ngày 19/9/2019, ông T4 và bà T5 tiếp tục ủy quyền cho Nguyễn Tuấn A thay mặt ông T4 và bà T5 thực hiện một số công việc ủy quyền tại hai giai đoạn khác nhau như sau:

- Nộp và nhận hồ sơ cập nhật đăng bộ, đăng ký thay đổi hoặc cấp mới và nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đo vẽ, kiểm tra nội nghiệp nhà đất,...

- Sau khi hoàn tất việc đăng bộ và nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Bên B (Nguyễn Tuấn A) được quyền thay mặt ông T4 và bà T5 thực hiện nộp và nhận hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất, nộp hồ sơ xin hợp thửa, tách thửa quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;... Thực hiện thủ tục xác định lại ranh đất, tiến hành rào đất, tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất (nếu có),...

Thực hiện nội dung ủy quyền nêu trên, ông Nguyễn Tuấn A đã nhiều lần nộp hồ sơ để đăng ký quyền sử dụng đất cho ông T4 và bà T5 tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không được giải quyết.

Ngày 07/10/2019, UBND phường T, Quận G tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T vì đã có hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng với diện tích vi phạm: 2,2m x 11,7m = 25,74m² cầu

trúc vi phạm: cột sắt, vách tole, mái tole. Tuy vậy đến ngày 13/11/2019, UBND phường T, Quận G lại tiến hành làm việc với ông Nguyễn Tuấn A, thông qua biên bản làm việc xác định: ông Nguyễn Thanh T4 là chủ sở hữu thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47, phường T 7, trên thửa đất này phát hiện có 01 công trình xây dựng không phép nên UBND phường đề nghị ông Nguyễn Thanh T4 phải tháo dỡ toàn bộ công trình không phép trên đến hết ngày 19/11/2019 phải thực hiện xong việc tháo dỡ, trả lại hiện trạng ban đầu.

Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 15/11/2019, anh Nguyễn Tuấn A đã thuê người tiến hành tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, tại vị trí cạnh hướng nam thửa đất với diện tích 25,74m², hiện trạng cấu trúc khung sắt, mái tole, tường gạch và tiến hành di dời tài sản là vật dụng của Nguyễn Thị T đang để tại nhà xây dựng trái phép tại thửa đất trên, gồm bàn ghế inox, ly, chén, đĩa, bếp mini... Về Phía bà Nguyễn Thị T khi biết tin có người tháo dỡ công trình xây dựng của mình thì đã chạy từ ngoài đường chạy vô nhà mình, rồi cầm 01 con dao lưỡi bằng kim loại dài 36 cm, (cán cầm bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao dài 23cm) chạy ra chỗ anh Nguyễn Văn G, Nguyễn Tấn T6, Trần Minh T7 (là người được anh A thuê) đang tháo dỡ nói: “thằng nào tháo dỡ nhà tao, tao chém chết mẹ tụi bây”. T chém T6 nhưng T6 né được nên không trúng, rồi T tiếp tục vung dao chém nhiều lần nhưng không trúng ai.

Lúc này bà Nguyễn Thị T8 (mẹ anh A) cầm cây chèo giàn giáo để đỡ tám tôn xuống thì bị T gạt tay giật cây chèo giàn giáo, bà T8 đập cây chèo giàn giáo vào tay T. Tiếp sau đó giữa anh A và T xảy ra cãi nhau, rồi T cầm dao bằng tay phải vung dao làm mũi dao trúng mặt và môi A, gây chảy máu vùng môi dưới và má bên trái của A. Mọi người xung quanh không chế tước dao Tuyệt. Tuyệt thoát được tiếp tục vào nhà lấy 01 cây kéo ra để quơ hăm dọa nhưng không trúng ai, sau đó công an phường tới mời tất cả lên phường làm việc. Anh A có đơn yêu cầu xử lý hình sự và giám định thương tích.

Theo Bản kết luận pháp y về thương tích số 1083/ TgT.19 ngày 04/12/2019, kết luận thương tích của Nguyễn Tuấn A:

Vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn một vết tăng sắc tố mờ tại má trái kích thước 1,5x (0,05-0,1) cm. Có tỉ lệ 01% (Một phần trăm).

Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

Chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn một sẹo trong niêm mạc môi dưới kích thước 0,7 x 0,1cm. Có tỉ lệ 01% (Một phần trăm).

Thương tích do vật tày tác động gây ra.

Ngày 20/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 7 có Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đến ngày 17/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 7 có Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 04/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản cáo trạng số 03/CT – VKS, truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 18/3/2022, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên án theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST. Theo đó đã quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 18/3/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tách yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị hại ông Nguyễn Tuấn A phải bồi thường thiệt hại về các tài sản bị hại là ông A chuyển của bị cáo T ra bãi đất trống kế bên nhà bị cáo T để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2022 bị hại Nguyễn Tuấn A kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm cho rằng Tòa án nhân dân Quận 7 không xem xét đến tính côn đồ của bị cáo trong vụ án và cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Đến ngày 31/3/2022 bị cáo Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm trong đó cho rằng hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo là quá nghiêm khắc chưa đánh giá hết tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; bản án sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại cho phía bị cáo; chưa kiểm tra, đánh giá chứng cứ theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng hình sự và bản án sơ thẩm bỏ lọt hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Tuấn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo là quá nghiêm khắc, chưa đánh giá hết tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, bị cáo T cũng cho rằng bản án sơ thẩm bỏ lọt hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Tuấn A và chưa xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của phía bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Tuấn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T và cho rằng ông căn cứ vào hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2019 và biên bản ngày 13/11/2019 của UBND phường T, Quận G được lập giữa ông Nguyễn Minh T9 (công chức địa chính xây dựng), ông Nguyễn Thanh H1 (trật tự đô thị phường) với ông để tiến hành tháo dỡ công trình xây dựng không phép trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 phường T, Quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Hành vi vi phạm của bị cáo Nguyễn Thị T theo nội dung của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo của bị cáo T và nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Tuấn A thì Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ, xem xét toàn diện nguyên nhân, mục đích và động cơ phạm tội của bị cáo T, cụ thể: vợ chồng ông Nguyễn Thanh T4 và bà Nguyễn Thị Hồng T5 đã lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng 00016860 ngày 19/9/2019 cho Nguyễn Tuấn A tiến hành các thủ tục đăng bộ, tham gia giải quyết tranh chấp và sau khi đăng bộ xong thì được phép tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất (nếu có)...., nên tại thời điểm ngày 15/11/2019, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 586613 cấp ngày 14/8/2015 của G1 chưa được cập nhật sang tên ông T4 và bà T5 do đó nội dung ủy quyền “*ông A được quyền tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất*” là chưa phát sinh hiệu lực. Ngoài nội dung ủy quyền này cũng chưa đề cập đến ai là chủ của công trình xây dựng sai phép trên thửa đất. Trường hợp phía ông T4, bà T5 phát hiện người khác xây dựng trái phép trên thửa đất mà mình đã nhận chuyển nhượng thì ông T4, bà T5 có quyền liên hệ với chính quyền địa phương để giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng ông A lại nhân danh ông T4, bà T5 thuê người đến tháo dỡ nhà kho do bà T xây dựng trái phép dẫn đến bà T có hành vi dùng hung khí nguy hiểm để chống trả và gây thương tích cho ông A với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Do đó cần điều tra làm rõ Nguyễn Thị T phạm tội có bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của Nguyễn Tuấn A hay không? Đồng thời cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác định giá trị thiệt hại về tài sản của bà T do hành vi ông A tháo dỡ nhà kho của bà T gây ra là bao nhiêu? để làm căn cứ đánh giá có dấu hiệu của tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” hay không? Cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G như thế nào để có biện pháp kiến nghị khắc phục. Như vậy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 để điều tra lại theo thủ tục chung.

- Luật sư Trần Thị Huy C trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: đồng ý với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư trình bày về 03 vấn đề cụ thể như sau:

Thứ nhất, Bản án sơ thẩm chưa xem xét một cách khách quan, toàn diện hành vi phạm tội của bị cáo: tội danh và hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là chưa phù hợp vì nguyên nhân sâu xa dẫn đến hành vi của bị cáo là do mâu thuẫn từ tranh chấp đất đai, mà bị hại có lỗi khi không có thẩm quyền nhưng lại thuê một nhóm người đến tháo dỡ tài sản của bị cáo, mẹ của bị hại còn dùng cây dầm giáo đánh trúng bị cáo trước, bị hại thì dùng lời lẽ khiêu khích. Rõ ràng những điều này đã gây kích động quá mạnh đối với bị cáo khi mất mát tài sản lại bị thách thức dẫn đến bị cáo dùng dao để ngăn cản hành vi của nhóm bị hại, từ đó đã gây nên thương tích 02% đối với bị hại. Đồng thời, xét về tương quan lực lượng thì phía bị cáo chỉ có một mình bị cáo, còn phía bị hại lại có rất đông người. Như vậy, bị cáo đã gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động quá mạnh với thương tích chỉ 02% nên có cơ sở xác định bị cáo T không phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Thứ 2, cấp sơ thẩm chưa xem xét đến vai trò trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G trong vụ án này, vì mặc dù xác định bà Nguyễn Thị T xây dựng nhà trái phép, nhưng lại không ban hành quyết định xử phạt đối với hành vi này của bà T mà lại có văn bản đề nghị ông T4, bà T5 tháo dỡ nhà.

Thứ 3, cấp sơ thẩm chưa xem xét hành vi của bị hại Nguyễn Tuấn A đã xâm phạm tài sản của bà T, về phía bà T xác nhận rằng chưa được nhận lại các tài sản này.

Từ đó, Luật sư Huy C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung. Ngoài ra, Luật sư Huy C còn cho rằng bà T xây dựng công trình không nằm trên diện tích 321,82m² tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 phường T, Quận G nên luật sư cho rằng việc Nguyễn Tuấn A tháo dỡ nhà, cố ý làm hư hỏng tài sản của bà T là nhằm mục đích đăng bộ và tranh giành đất.

- Luật sư Nguyễn Thị Xuân K trình bày quan điểm bào vệ cho bị hại Nguyễn Tuấn A: bị cáo không chấp hành yêu cầu của các cơ quan chức năng khi không tự tháo dỡ, di dời tài sản; mặc dù bị hại cũng có một phần lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng bị cáo đã dùng dao chém bị hại gây thương tích cho bị hại, ngay sau đó thì bị cáo còn tiếp tục chạy vào nhà và lấy 01 cái kéo chạy ra tấn công bị hại, điều này thể hiện bị cáo cố ý thực hiện hành vi đến cùng. Do đó kháng cáo của bị hại Nguyễn Tuấn A là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng ý kiến bào chữa của Luật sư Trần Thị Huy C và Luật sư Nguyễn Thị Xuân K thì quá trình điều tra lại cần xem xét, làm rõ, do đó Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Về

phía các Luật sư cũng bảo lưu quan điểm bào chữa cho bị cáo và bảo vệ cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 47, tại địa chỉ hẻm I H, khu phố D, phường T, Quận G, TP . có diện tích là 321,82m², với mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đã được Ủy ban nhân dân Quận G1 cấp cho ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị Kỳ H (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 586613 cấp ngày 14/8/2015).

Ngày 06/9/2019 ông X và bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn A được quyền chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp,... đến ngày 19/9/2019 ông A đã thay mặt ông X, bà H chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T4 và bà Nguyễn Thị Hồng T5. Cùng ngày 19/9/2019, ông T4 và bà T5 tiếp tục ủy quyền cho Nguyễn Tuấn A thay mặt ông T4 và bà T5 thực hiện một số công việc ủy quyền tại hai giai đoạn khác nhau như: Nộp và nhận hồ sơ cập nhật đăng bộ; sau khi hoàn tất việc đăng bộ thì được tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất (nếu có),...

Ngày 07/10/2019, UBND phường T, Quận G tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T vì đã có hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng với diện tích vi phạm: 2,2m x 11,7m = 25,74m² cấu trúc vi phạm: cột sắt, vách tole, mái tole. Tuy vậy đến ngày 13/11/2019, UBND phường T, Quận G lại tiến hành làm việc với ông Nguyễn Tuấn A, thông qua biên bản làm việc xác định: ông Nguyễn Thanh T4 là chủ sở hữu thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47, phường T 7, trên thửa đất này phát hiện có 01 công trình xây dựng không phép nên UBND phường đề nghị ông Nguyễn Thanh T4 phải tháo dỡ toàn bộ công trình không phép trên đến hết ngày 19/11/2019 phải thực hiện xong việc tháo dỡ, trả lại hiện trạng ban đầu.

Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 15/11/2019, anh Nguyễn Tuấn A đã thuê người tiến hành tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, tại vị trí cạnh hướng nam thửa đất với diện tích 25,74m², hiện trạng cấu trúc khung sắt, mái tole, tường gạch và tiến hành di dời tài sản là vật dụng của Nguyễn Thị T đang để tại nhà xây dựng trái phép tại thửa đất trên, gồm bàn ghế inox, ly, chén, đĩa, bếp mini... Về Phía bà Nguyễn Thị T khi biết tin có người tháo dỡ công trình xây dựng của mình thì đã chạy từ ngoài đường chạy vô nhà mình, rồi cầm 01 con dao lưỡi bằng kim loại dài 36 cm (cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao dài 23cm) chạy ra chỗ anh Nguyễn Văn G, Nguyễn Tấn T6, Trần Minh T7 (là người được anh A thuê) đang tháo dỡ nói: “thằng nào tháo dỡ nhà tao, tao chém chết mẹ tụi bây”. Rồi sau đó giữa T và an cự cãi nhau, rồi T cầm dao bằng tay phải vung lên làm mũi dao trúng mặt và môi A, gây chảy máu vùng môi dưới và má bên trái của A (theo Bản kết luận pháp y đã xác định thương tích của Nguyễn Tuấn A có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%).

Sau đó, Nguyễn Tuấn A có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của Nguyễn Thị Tuyết .

Với hành vi nêu trên, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận 7 đã khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố và Tòa án nhân dân Quận 7 đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 29/3/2022 bị hại Nguyễn Tuấn A kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm cho rằng Tòa án nhân dân Quận 7 không xem xét đến tính côn đồ của bị cáo trong vụ án và cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Ngày 31/3/2022 bị cáo Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm trong đó cho rằng hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo là quá nghiêm khắc chưa đánh giá hết tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; bản án sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại cho phía bị cáo; chưa kiểm tra, đánh giá chứng cứ theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng hình sự và bản án sơ thẩm bỏ lọt hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Tuấn A. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị hại và đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Trong vụ án này, Tòa án cấp phúc thẩm ngoài việc xem xét nội dung kháng cáo của bị hại và bị cáo, xét thấy cần thiết xem xét về các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015 thì việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực từ thời điểm đăng ký theo quy định của luật đất đai. Và theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 thì việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại Cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính. Như vậy, mặc dù ông T7 và bà T5 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập tại Văn phòng C1 ngày 19/9/2019 nhưng theo Bộ luật dân sự 2015 và Luật đất đai năm 2013 thì quyền sử dụng đất của ông T7 và bà T5 chỉ được phát sinh kể từ ngày đăng ký vào sổ địa chính, cụ thể là ngày 13/12/2019.

Ngày 15/11/2019, ông Nguyễn Tuấn A đã thuê người tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 phường T, Quận G. Xét thấy, vào thời điểm ngày 15/11/2019 ông T7 và bà T5 chưa xác lập quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 phường T, Quận G nên nội dung ủy quyền về việc tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất (nếu có) là chưa phát sinh hiệu lực, do đó vào thời điểm này ông A không có quyền tháo dỡ bất cứ công trình xây dựng nào tại thửa đất nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn A cho rằng ông căn cứ vào biên bản ngày 13/11/2019 của UBND phường T, Quận G được lập giữa ông Nguyễn Minh T9 (công chức địa chính xây dựng), ông Nguyễn Thanh H1 (trật tự đô thị phường) với ông để tiến hành tháo dỡ công trình xây dựng không phép trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 phường T, Quận G. Xét thấy, lời trình bày nêu trên của ông A là không có căn cứ bởi lẽ mặc dù biên bản ngày 13/11/2019 của UBND phường T, Quận G có đề cập đến việc đề nghị ông T7 phải tháo dỡ toàn bộ công trình không phép trên thửa đất đến hết ngày 19/11/2019, nhưng qua quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chính ông Nguyễn Tuấn A đã xác định công trình xây dựng trái phép trên thửa đất là do bà Nguyễn Thị T xây dựng chứ không phải do ông X, bà H xây dựng và cũng không phải do ông T7 và T5 xây dựng, nên ông A không có quyền nhân danh ông T7 và bà T5 để tháo dỡ công trình do bà T xây dựng. Mặc khác như đã phân tích ở trên thì tại thời điểm ngày 15/11/2019 nội dung công việc ủy quyền của ông T7 và bà T5 cho ông A về việc tháo dỡ công trình xây dựng sai phép trên đất (nếu có) cũng chưa phát sinh hiệu lực do thửa đất chưa đăng bộ nên việc ông A thuê người tháo dỡ công trình do bà T xây dựng là không đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc xây dựng trái phép công trình trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 tại phường T thì chính quyền địa phương căn cứ vào quy định pháp luật lập biên bản hành chính về việc xây dựng trái phép, xử lý hành vi xây dựng trái phép, buộc tháo dỡ, cưỡng chế tháo dỡ... theo quy định pháp luật, nhưng Ủy ban nhân dân phường T, Quận G chưa thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục mà pháp luật đã quy định.

Về phía bà Nguyễn Thị T, mặc dù là người xây dựng trái phép công trình trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47 tại phường T, Quận G nhưng trước hành vi không đúng quy định pháp luật của Nguyễn Tuấn A như đã phân tích ở trên thì bà T đã có hành vi ngăn cản việc tháo dỡ của nhóm ông A. Tuy vậy, bà T đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để ngăn chặn một hành vi vi phạm pháp luật khác dẫn đến gây thương tích cho ông A với tỷ lệ tổn thương cơ thể tổng cộng là 02%. Do đó, trong vụ án này cần phải điều tra làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Tuấn A và xác định giá trị thiệt hại đối với tài sản của Nguyễn Thị T để làm căn cứ đánh giá có dấu hiệu của hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” hay không, đồng thời làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Thị T có dấu hiệu của hành vi “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” hay không?

Tại phiên tòa Nguyễn Thị T yêu cầu phải ông Nguyễn Tuấn A phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị hư hỏng, mất mát là 100.000.000 đồng. Và cũng tại phiên tòa phúc thẩm này ông A thừa nhận ông đã cho người tháo dỡ nhà và di dời các tài sản là vật dụng của bà T sang vị trí mới nhưng sau đó bà T đã nhận lại tài sản này. Ngược lại bà T cho rằng mình chưa nhận tài sản nào ngoại trừ 01 nồi màu đen. Xét thấy, Nguyễn Tuấn A đã có hành vi vi phạm pháp luật như đã nêu ở trên, do đó cần xác định giá trị tài sản bị thiệt hại để làm căn cứ giải quyết trong vụ án này (về mặt dân sự và hình sự nếu có).

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã trả điều tra bổ sung nhiều nội dung, trong đó có nội dung yêu cầu xử lý hành vi vi phạm của Nguyễn Tuấn A và xác định số tài sản bị tháo dỡ của Nguyễn Thị T bao gồm tài sản gì, ai là người quản lý để xử lý trong vụ án nhưng không được thực hiện, nên những sai sót trên không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Như vậy, có cơ sở xác định việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần phải hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa Luật sư Trần Thị Huy C bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T cho rằng phần nhà mà bị cáo T xây dựng là trên phần đất của ông Đ cho và nằm ngoài thửa đất số 34, tờ bản đồ số 47, địa chỉ tại hẻm I H, khu phố D, phường T, Quận G. Xét thấy, khi điều tra bổ sung cần làm rõ phần nhà mà bà T xây dựng có nằm trên diện tích đất 321,82m², trong hay ngoài ranh của thửa đất nêu trên, Nguyễn Tuấn A đã nộp hồ sơ đăng bộ bao nhiêu lần và lý do Chi nhánh Văn phòng Đ1 trả hồ sơ để từ chối có thêm căn cứ xác định nguyên nhân, động cơ, mục đích của việc Nguyễn Tuấn A tháo dỡ nhà kho do bà Nguyễn Thị T xây dựng. Ngoài ra quá trình điều tra bổ sung, nếu xét thấy có căn cứ của việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì cần có thông báo cho Chi nhánh Văn phòng Đ1 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển điều tra lại theo thủ tục chung.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo, bị hại không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có Q, NVLQ; (1)
- Luật sư; (2)
- THA Quận 7; (2)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (24) (5)

Ngô Ngọc Thắng